

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 603/2025/HS-PT

Ngày: 26-11-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Tấn C, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 198A/2025/TLPT-HS ngày 29/8/2025, đối với các bị cáo Đinh Văn P và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2025/HS-ST ngày 18/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Đinh Văn P**, sinh ngày 17/3/1991 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn G, xã H, thành phố M - nay là xã H, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Văn C1, sinh năm 1964 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1971; Có vợ tên Bùi Thị M và 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/4/2024 và chuyển tạm giam ngày 27/4/2024 cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **Phạm Thị P1**, sinh ngày 21/9/1997 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố M - nay là phường M, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn H1, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1979; Có chồng tên Trương Văn C2, sinh năm 1990 và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/8/2024 và chuyển tạm giam ngày 11/8/2024 cho đến nay (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng T**, sinh ngày 20/7/2002, tại thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Thôn Y, xã H, huyện M - nay là xã H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1971 và bà Trần Thị O, sinh năm 1975; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/8/2024 và chuyển tạm giam ngày 11/8/2024 cho đến nay (có mặt).

4. Họ và tên: **Lê Thị Trúc M1**, sinh ngày 03/9/2008 (*tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo M1 được 15 năm 00 tháng 29 ngày tuổi*), tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện B - nay là xã B, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn L, sinh năm 1972 và bà Trần Thị H3, sinh năm 1973; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thị Trúc M1:

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1972 (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện B - nay là xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Ông Nguyễn Hồng N1, là Luật sư của Công ty L6, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn P và Nguyễn Hoàng T (có mặt).

2. Ông Nguyễn Bá T1, là Luật sư của Công ty L6, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Phạm Thị P1 (có mặt).

3. Ông Nguyễn Hữu L1, là Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T và ông Huỳnh Anh T2, là Luật sư của Công ty L7 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Lê Thị Trúc M1 (cùng có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 21 bị cáo khác, 07 người bị hại và 05 bị đơn dân sự nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng đầu tháng 7/2023, bị cáo Đinh Văn P sang V Campuchia cấu kết chặt chẽ với các đối tượng người Trung Quốc tên C3 và B (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thuê văn phòng trong Tòa nhà 35, khu H Con V, thuộc thành phố B, tỉnh Svay Rieng, Campuchia mở công ty, thuê nhân viên là người Việt Nam

sử dụng máy vi tính, điện thoại di động có kết nối internet tìm kiếm, nhắn tin, tương tác với các bị hại ở Việt Nam bằng ứng dụng Telegram, Messenger để trò chuyện tạo lòng tin và dẫn dụ các bị hại đầu tư vào sàn giao dịch chứng khoán, app casino (thông qua app tình yêu) hoặc sử dụng dịch vụ mại dâm (thông qua appsex) trên không gian mạng chiếm đoạt tiền của các bị hại ở Việt Nam. Đến ngày 16/9/2023, sau khi tuyển dụng thêm nhân viên mới thì công ty của bị cáo P có khoảng 50 người, chia thành 02 nhóm (nhóm A có khoảng 30 người, đa số là những người có hộ khẩu thường trú ở các tỉnh phía Bắc là số nhân viên làm việc từ trước, được giao làm app tình yêu; nhóm B có khoảng 20 người, đa số là những người có hộ khẩu thường trú ở các tỉnh phía Nam là số nhân viên mới tuyển dụng, được giao làm app sex). Đến tháng 3/2024, công ty chuyển văn phòng sang Tòa nhà B khu H thì công ty chỉ hoạt động trên không gian mạng chiếm đoạt tiền của các bị hại thông qua app tình yêu (do app sex doanh thu đạt thấp, nên ngưng hoạt động).

Với mô hình hoạt động có tổ chức của nhóm bị cáo Đinh Văn P được phân chia vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng người như sau:

- Chủ công ty: Là bị cáo Đinh Văn P hùn tiền với 02 đối tượng người Trung Quốc tên C3 và B1 để thuê văn phòng, mua sắm trang thiết bị, công nghệ của A1 và app tình yêu phục vụ cho việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền trên không gian mạng. Bị cáo P cùng 02 đối tượng người Trung Quốc là quản lý cao nhất, kiểm tra, giám sát, sắp xếp công việc, điều hành chung mọi hoạt động của nhân viên cấp dưới, trả tiền lương cho nhân viên từ số tiền thu lợi bất chính đã chiếm đoạt. Ngoài việc bị cáo P tuyển mộ, lôi kéo người Việt Nam (với chiêu thức việc nhẹ, lương cao) sang Campuchia làm việc cho công ty, bị cáo P còn yêu cầu các nhân viên cũ tuyển mộ nhân viên mới bằng việc lôi kéo bạn bè, người thân sang Campuchia cùng làm, nếu nhân viên nào giới thiệu được người sang làm thì bị cáo P cho số tiền 300 USD/01 người.

- Phiên dịch: Từ ngày 17/3/2024 đến ngày 17/4/2024, bị cáo Nguyễn Ái V vào làm công việc phiên dịch tại công ty của bị cáo Đinh Văn P, bị cáo Ái V được cấp 01 máy tính, sử dụng tài khoản “Mai Mai”, được giao nhiệm vụ dịch tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt Nam khi đối tượng C3 và B1 nói chuyện, trao đổi với nhân viên. Ngoài ra, bị cáo Ái V còn làm nhiệm vụ giám sát các nhân viên qua camera công ty, trong giờ làm việc nếu nhân viên ngủ gật, làm việc riêng thì chụp hình ảnh lưu lại làm bằng chứng để trừ lương. Bị cáo Ái V được trả lương là 300 USD (tương đương 6.000.000 đồng).

- Hậu đài: Hậu đài có nhiệm vụ quản lý, kiểm tra số tiền do các bị hại của app sex và app tình yêu chuyển vào 03 tài khoản nhận tiền lừa đảo của công ty gồm: Tài khoản Eximbank số H12, chủ tài khoản tên Đồng Khánh L2; tài khoản Ngân hàng N6, chủ tài khoản tên Võ Thành Đ và tài khoản Ngân hàng Á, chủ tài khoản tên Phạm Trần Thu T3. Khi các bị hại của app sex và app tình yêu chuyển tiền vào 03 tài khoản trên, các nhân viên yêu cầu bị hại cung cấp ảnh hóa đơn chuyển tiền để gửi vào nhóm T4 “nhận bill” cho hậu đài kiểm tra. Khi nhận được tiền của các bị hại, hậu đài xác nhận vào nhóm T4 bằng ký tự “1” hoặc “đã

nhận”, sau đó dùng internet banking chuyển tiền của bị hại đến 02 tài khoản ngân hàng do Tổng kho quản lý. Đồng thời, khi bị hại đã chuyển tiền vào 03 tài khoản trên, hậu đài sẽ thực hiện thao tác lên điểm bằng việc dùng tài khoản quản trị tạo ra số tiền, lợi nhuận ảo trong app sex và trò chơi casino của app tình yêu cho bị hại. Khi hết giờ làm việc, hậu đài phải giao lại các điện thoại di động dùng để chuyển tiền cho Tổng kho quản lý. Để tạo lòng tin cho các bị hại, các bị can thông báo trên nhóm Telegram “xuất khoản”, chuyển lại số tiền nhỏ cho các bị hại. Lúc này, hậu đài dùng tài khoản Ngân hàng B3, chủ tài khoản tên Đồng Khánh L2 chuyển tiền cho bị hại. Nội dung chuyển tiền được hậu đài thể hiện bằng ký tự “TT” (trả tiền), “Casino Lisboa Macau”, “Mirae Asset”, “Marina Bay Sands C4”. Bị cáo Phạm Thị P1 và đối tượng sử dụng tài khoản Telegram tên “Thảo Vy” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được giao nhiệm vụ quản lý xuất, nhập khoản và các tài khoản quản trị của app sex, app tình yêu để can thiệp, chỉnh sửa, tạo ra số tiền, lợi nhuận ảo cho bị hại. Quá trình làm việc, bị cáo P1 sử dụng tài khoản Telegram tên “Changgg Changgg”, bị cáo P1 được trả lương từ tháng 9/2023 đến tháng 4/2024 là 6.300 USD (tương đương 140.000.000 đồng).

- Tổng kho: Đối tượng tên T5 (chưa rõ nhân thân, lai lịch), được giao nhiệm vụ điểm danh, chấm công, phát tiền lương cho nhân viên vào ngày 15 hàng tháng; giám sát việc xuất nhập khoản của nhân viên hậu đài; đón rước các nhân viên mới từ khu vực cửa khẩu để đưa vào công ty và trả tiền cho người tuyển mộ được nhân viên. Tiền được giao quản lý tài khoản Eximbank số H12, chủ tài khoản tên Võ Thành Đ và tài khoản Eximbank số H12, chủ tài khoản tên Hồ Nhật D để kiểm tra số tiền do hậu đài chuyển vào và thực hiện việc chuyển tiền từ 02 tài khoản này vào các tài khoản khác để chiếm đoạt.

- Quản lý nhân viên, gồm có: Bị cáo Nguyễn Văn V1 và các đối tượng chưa rõ nhân thân, lai lịch tên S (tên gọi khác M2), H4 (tên gọi khác J), được giao nhiệm vụ quản lý nhóm A và nhóm B. Bị cáo V1, S, H4 có trách nhiệm quản lý nhân viên ra vào công ty, theo dõi, báo cáo số liệu của nhân viên, đôn đốc nhân viên làm đủ chỉ tiêu, truyền đạt chỉ đạo của chủ công ty cho nhân viên; kiểm tra, giám sát các nhân viên thực hiện nhiệm vụ theo “các quy tắc và quy định hành chính của công ty”, ghi nhận các lỗi vi phạm của nhân viên để phạt, trừ lương. Ngoài việc quản lý nhân viên, bị cáo V1, S, H4 còn làm nhiệm vụ tuyển mộ thêm nhân viên mới cho công ty, trong đó bị cáo V1 tuyển mộ nhóm của bị cáo Võ Quốc T6 có 11 người, gồm: Các bị cáo Võ Quốc T6, Phạm Hoài N2, Hoàng Tiến D1, Trần Nguyễn Gia P2, Võ Văn T7, Hồ Thanh Toàn E, Võ Như N3, Nguyễn Thị Như Q, Lê Thị Ngọc Q1, Kim Thúy V2, Võ Thùy T8 và một số người khác chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Bị cáo V1 nhận lương từ tháng 11/2023 đến tháng 4/2024 là 5.670 USD (tương đương 130.000.000 đồng).

- Nhóm nhân viên có 02 nhóm (nhóm A và nhóm B - gọi chung là nhân viên sale), khi vào làm việc tại công ty của P2 thì các nhân viên không được ký kết hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng làm việc 06 tháng, nhân viên mới được công ty cho học kịch bản của app sex và app tình yêu, được ngồi phía sau nhân

viên cũ để quan sát cách làm, học việc. Sau khi được đào tạo, học việc thì nhân viên được giao cho máy vi tính, điện thoại di động để tự thực hiện các bước theo nhiệm vụ phân công, được giao chỉ tiêu cụ thể về số lượng bị hại (khách) phải tìm kiếm và số tiền chiếm đoạt (doanh thu) từ app sex và app tình yêu cho công ty. Nhóm A được công ty giao nhiệm vụ chuyên hoạt động bằng app tình yêu, nhóm B chuyên hoạt động bằng app sex; mỗi nhân viên được giao sử dụng máy vi tính, điện thoại di động của công ty để thực hiện nhiệm vụ đã phân công thành từng bước, từng khâu trong chuỗi kịch bản của app sex và app tình yêu, yêu cầu bị hại chuyển tiền vào 03 tài khoản ngân hàng của công ty. Cụ thể như sau:

+ Nhóm A, xác định được: Các bị cáo Lương Văn T9, Phạm Văn H5, Nguyễn Hoàng T và các đối tượng khác chưa rõ nhân thân, lai lịch. Trong đó, các bị cáo T9, H5 và T, được giao nhiệm vụ “bắt khách” (sử dụng tài khoản Facebook, Telegram giả để chào mời, lôi kéo các bị hại là nam giới tham gia dịch vụ mại dâm). T9 và H5 được trả lương từ tháng 9/2023 đến tháng 04/2024 là 6.300 USD (tương đương 140.000.000 đồng); bị cáo T làm việc từ ngày 11/3/2024 đến ngày 17/4/2024, được trả lương là 600 USD (tương đương 12.000.000 đồng).

+ Nhóm B, xác định được 18 người gồm: Các bị cáo Võ Quốc T6 (là trưởng nhóm), Phạm Hoài N2, Võ Văn T7, Từ Đăng T13, Nguyễn Thị D2, Võ Thùy T8, Kim Thúy V2, Võ Như N3, Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Thanh L3, Trần Nguyễn Gia P2, Hoàng Tiến D1, Lê Thị Ngọc Q1, Huỳnh Thanh N4, Hồ Thanh Toàn E, Ngô Thanh B2, Lê Thị Trúc M1, Lê Hoàng N5 và một số đối tượng khác chưa rõ nhân thân, lai lịch. Ngày 16/9/2023, nhóm của bị cáo T6 vào làm cho công ty của bị cáo P2, được giao nhiệm vụ sử dụng app sex, đến hết tháng 02/2024 thì chuyển sang sử dụng app tình yêu chung nhóm A, để chiếm đoạt tiền của bị hại. Trong đó: bị cáo T6 và N2 làm nhiệm vụ “giết khách”, bị cáo D1 làm nhiệm vụ “bắt khách” đến tháng 12/2023 thì chuyển sang nhiệm vụ “giết khách”, số còn lại cùng làm nhiệm vụ “bắt khách”. Bị cáo T6 nhận lương là 5.400 USD (tương đương 120.000.000 đồng), bị cáo N2 nhận lương là 5.400 USD (tương đương 120.000.000 đồng), bị cáo D1 nhận lương là 5.400 USD (tương đương 120.000.000 đồng), bị cáo Gia P2 nhận lương là 2.200 USD (tương đương 55.000.000 đồng), bị cáo T7 nhận lương là 4.200 USD (tương đương 90.000.000 đồng), bị cáo Toàn E nhận lương là 3.000 USD (tương đương 70.000.000 đồng), bị cáo N3 nhận lương là 4.800 USD (tương đương 90.000.000 đồng), bị cáo Q nhận lương là 5.100 USD (tương đương 117.000.000 đồng), bị cáo Q1 nhận lương là 2.500 USD (tương đương 55.000.000 đồng), bị cáo V2 nhận lương là 4.800 USD (tương đương 100.000.000 đồng), bị cáo T8 nhận lương là 4.500 USD (tương đương 100.000.000 đồng); bị cáo N5 làm việc từ ngày 27/9/2023 đến ngày 17/4/2024 nhận lương là 4.800 USD (tương đương 100.000.000 đồng), M1 làm việc từ ngày 07/10/2023 đến ngày 17/4/2024 nhận lương là 4.050 USD (tương đương 90.000.000 đồng), bị cáo D2 làm việc từ ngày 25/10/2023 đến ngày 17/4/2024

nhận lương là 4.000 USD (tương đương 90.000.000 đồng), bị cáo T13 làm việc từ ngày 30/10/2023 đến ngày 17/4/2024 nhận lương là 4.140 USD (tương đương 90.000.000 đồng); bị cáo B2 làm việc từ ngày 03/3/2024 đến ngày 17/4/2024 nhận tiền lương 680 USD (tương đương 13.000.000 đồng); bị cáo N4 và L3 làm việc từ ngày 08/3/2024 đến ngày 17/4/2024, bị cáo N4 nhận lương 570 USD (tương đương 11.000.000 đồng), bị cáo L3 nhận lương 540 USD (tương đương 11.000.000 đồng).

* Về phương thức, thủ đoạn chiếm đoạt tiền cụ thể như sau:

- Thủ đoạn chiếm đoạt tiền bằng app sex: Bị cáo Đinh Văn P thuê chạy quảng cáo app sex trên các trang mạng xã hội để tìm kiếm bị hại, xây dựng kịch bản là dịch vụ cung cấp mại dâm trực tuyến trên toàn quốc với tên gọi câu lạc bộ L8, câu lạc bộ G... để các bị hại là nam giới có nhu cầu mua dâm trên mạng, dụ dỗ truy cập vào app sex bằng đường link <https://diveosslove.com> sau đó đưa ra các thông tin gian dối theo kịch bản để bị hại chuyển tiền. Các nhân viên app sex được chia nhiệm vụ theo tổ, mỗi tổ 02 người, sử dụng 03 máy vi tính (máy 1 và máy 2 làm nhiệm vụ bắt khách, máy 3 làm nhiệm vụ giết khách).

+ Nhân viên máy 1, gồm có: Các bị cáo Võ Thùy T8, Kim Thúy V2, Lê Thị Trúc M1, Lê Hoàng N5, Trần Nguyễn Gia P2 (nhóm B) và các nhân viên nhóm A (chưa rõ nhân thân, lai lịch), sử dụng các tài khoản Facebook giả của công ty để đón khách từ quảng cáo của app sex. Khi bị hại truy cập vào quảng cáo, tài khoản Messenger của bị hại sẽ được tự động kết nối đến Messenger của các nhân viên. Nhân viên sẽ nhắn tin chào mời, giới thiệu dịch vụ, hỏi nhu cầu và lôi kéo bị hại mua dâm, khi bị hại đồng ý thì hướng dẫn tải, cài đặt ứng dụng T4, gửi liên kết tài khoản Telegram của bị hại cho nhân viên máy 2 thực hiện nhiệm vụ tiếp theo.

+ Nhân viên máy 2 gồm có: Các bị cáo Lương Văn T9 và Phạm Văn H5 (nhóm A); Võ Văn T7, Nguyễn Thị D2, Võ Như N3, Từ Đăng T13, Lê Thị Ngọc Q1, Nguyễn Thị Như Q, Hồ Thanh Toàn E (nhóm B), sử dụng các tài khoản Telegram giả làm lễ tân, chăm sóc khách hàng, nhắn tin hỏi địa chỉ của bị hại để cung cấp hình ảnh, thông tin của gái bán dâm. Khi bị hại chọn gái bán dâm nào thì nhân viên gửi giá dịch vụ và liên kết tài khoản Telegram của gái bán dâm giả để bị hại nhắn tin trò chuyện. Sau đó sử dụng tài khoản Telegram nhắn tin, gửi các hình ảnh gợi cảm, dụ dỗ bị hại nạp tiền, đăng ký thẻ thành viên VIP của câu lạc bộ để gặp gỡ, mua bán dâm. Khi bị hại đăng ký thẻ thì nhân viên hướng dẫn bị hại chuyển 150.000 đồng vào các tài khoản của công ty, gửi cho bị hại ảnh thẻ thành viên VIP trạng thái chưa kích hoạt và liên kết đến tài khoản Telegram chuyên viên khách hàng (CVKH) của nhân viên máy 3 để hướng dẫn kích hoạt thẻ.

+ Nhân viên máy 3 gồm có: Các bị cáo Võ Quốc T6, Phạm Hoài N2, Hoàng Tiến D1 (nhóm B) và đối tượng S, nhiệm vụ của nhân viên máy 3 là sử dụng tài khoản Telegram giả làm CVKH hướng dẫn bị hại kích hoạt thẻ thành viên VIP của câu lạc bộ bằng 03 lượt bình chọn. Sau khi bị hại đã nạp tiền đăng

ký thẻ thành viên thì nhân viên máy 3 tạo tài khoản cho bị hại trên app sex, gửi đường link <https://diveosslove.com> đăng nhập vào app, dùng tài khoản Telegram CVKH hướng dẫn nạp tiền vào tài khoản của công ty để thực hiện 03 lượt bình chọn được lập trình trên app để kích hoạt thẻ, hưởng ưu đãi giảm giá, nhận tiền hoa hồng (*Lượt 1: Bị hại được dùng số tiền 150.000 đồng đăng ký thẻ thành viên để làm dữ liệu bình chọn. Lượt 2: Bị hại phải nạp 1.000.000 đồng hoặc 3.000.000 đồng, nhân viên sẽ hướng dẫn bị hại thực hiện đúng thao tác bình chọn trên app, lúc này bị hại yêu cầu rút tiền về thì nhân viên phối hợp với hậu đài chuyển trả lại tiền để tạo lòng tin. Lượt 3: Bị hại phải nạp 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng hoặc 15.000.000 đồng để làm dữ liệu bình chọn trên app*). Khi bị hại nạp tiền thì nhân viên sẽ tạo ra lỗi sai trên app để không kích hoạt được thẻ VIP, không được rút tiền, dùng kịch bản và các tài khoản Telegram giả từng bước dẫn dụ bị hại chuyển số tiền tăng dần từ vài chục triệu đồng đến hàng trăm triệu đồng vào tài khoản của công ty để làm các nhiệm vụ giả như: Bù đơn, sửa chữa dữ liệu (trên 16.000.000 đồng); sửa sai thông tin liên kết ngân hàng (trên 35.000.000 đồng); khôi phục mã OTP (trên 80.000.000 đồng); giải treo (trên 160.000.000 đồng); nâng cấp từ VIP1 lên VIP2 để mở rộng hạn mức rút tiền (trên 400.000.000 đồng); hoàn tất dữ liệu xuất khoản (trên 800.000.000 đồng)... Mỗi lần nạp tiền để làm nhiệm vụ, nhân viên sẽ tạo ra các lỗi hoặc đưa ra lý do theo kịch bản để bị hại không thể rút được tiền và phải nạp thêm tiền theo hướng dẫn để chiếm đoạt.

- Thủ đoạn chiếm đoạt tiền bằng app tình yêu được xây dựng kịch bản bằng cách cho nhân viên tạo nhân vật giả trên Facebook là nam, làm công việc ở lĩnh vực công nghệ thông tin, có điều kiện kinh tế (tiền, nhà, xe ô tô...), còn độc thân hoặc ly hôn, chọn các hình ảnh sang trọng, chừng chạc làm ảnh đại diện Facebook để tìm kiếm, kết bạn, nhắn tin với các bị hại là nữ. Sau đó dẫn dụ tham gia vào trò chơi trên app casino giả để lừa bị hại chuyển tiền và chiếm đoạt. Quá trình bắt khách và giết khách của app tình yêu, cụ thể như sau:

+ Nhóm bắt khách, gồm: Các bị cáo Lương Văn T9, Phạm Văn H5, Nguyễn Hoàng T (nhóm A); Võ Văn T7, Từ Đăng T13, Nguyễn Thị D2, Võ Thùy T8, Kim Thúy V2, Võ Như N3, Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Thanh L3, Trần Nguyễn Gia P2, Hoàng Tiến D1, Lê Thị Ngọc Q1, Huỳnh Thanh N4, Hồ Thanh Toàn E, Ngô Thanh B2, Lê Thị Trúc M1, Lê Hoàng N5 (nhóm B) làm theo kịch bản dẫn dụ bị hại nữ tham gia vào trò chơi trên app casino giả (*Ngày thứ nhất kết bạn, làm quen, giới thiệu bản thân, công việc; tìm hiểu thông tin cơ bản như tên, tuổi, nơi ở, tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, điều kiện kinh tế của bị hại. Từ ngày thứ 2 đến ngày thứ 5 thường xuyên nhắn tin quan tâm để thúc đẩy, xác nhận tình cảm yêu đương, định hướng tương lai với bị hại bằng việc hứa hẹn chung sống, kết hôn... Ngày thứ 6 thông báo cho bị hại biết bản thân sẽ đi công tác ở nước ngoài để sửa lỗi app casino cho công ty ở đây, do bản thân làm công việc lập trình, viết app và liên tục gửi các hình ảnh được lưu trữ sẵn trong nhóm T4 “tài liệu” của app tình yêu, liên quan đến chuyến công tác cho bị hại xem để bị hại tin tưởng. Từ ngày thứ 7 tiến hành cho bị hại tiếp cận, tham*

gia trò chơi trên app casino giả). Khi bị hại tham gia thì sẽ chuyển giao tài khoản nhân vật giả trên Facebook cho nhóm giết khách.

+ Nhóm giết khách, gồm: Đối tượng S (nhóm A); các bị cáo Võ Quốc T6, Phạm Hoài N2, Hoàng Tiến D1 (nhóm B), làm nhiệm vụ giết khách bằng việc dụ dỗ bị hại nạp tiền để đầu tư, giao dịch chứng khoán, tiền ảo của công ty M5, đường link truy cập vào app là oexrk hoặc app của các công ty L9, Marina Bay S, đường link truy cập vào app casino01.cc, phối hợp với nhóm hậu đài tạo ra số tiền ảo trên app cho bị hại và hướng dẫn bị hại nạp tiền, đặt cược để lấy tiền thuận lợi. Lúc đầu thì tạo ra lợi nhuận nhỏ, cho bị hại thực hiện lệnh rút tiền trên app và chuyển lợi nhuận vào tài khoản của bị hại để tạo sự tin tưởng. Sau đó dẫn dụ nạp số tiền lớn để chơi, tạo ra lợi nhuận ảo lớn, bị hại tham tiền tham gia thì thực hiện thủ đoạn gian dối theo kịch bản (nạp tiền đóng thuế, nộp phạt, đóng tiền xác minh, phí định danh tài khoản, phí bảo hiểm, bảo lưu...), nhưng khi bị hại nạp tiền thì không rút được và bị chiếm đoạt.

Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các bị hại, công ty của P2 thành lập các nhóm Telegram để nhắn tin, tương tác, phối hợp với nhau thực hiện kịch bản của app sex và app tình yêu như:

Nhóm “Nhận bill”: Hậu đài và nhân viên 02 nhóm A, B đều có tài khoản Telegram trong nhóm này; mỗi lần được bị hại chuyển tiền các bị can sẽ gửi ảnh hóa đơn chuyển tiền của bị hại vào nhóm cho hậu đài kiểm tra, xác nhận bằng ký tự “1” hoặc “đã nhận” và phối hợp thực hiện thao tác lên điểm ảo, tiền ảo trong app sex và app tình yêu.

Nhóm “Xuất khoản”: Hậu đài và nhân viên làm nhiệm vụ giết khách của nhóm A và nhóm B có tài khoản Telegram trong nhóm này để tương tác, phối hợp thực hiện việc chuyển lại số tiền nhỏ cho bị hại trong quá trình giết khách.

Ngoài ra, nhóm của bị cáo P2 còn sử dụng nhiều nhóm Telegram khác như nhóm công việc, chấm công, báo khách, phạt tiền, tài liệu, tương tác Facebook ... để thực hiện hành vi chiếm đoạt.

Kết quả điều tra, xác định nhóm của bị cáo P2 đã sử dụng app sex và app tình yêu chiếm đoạt của 07 bị hại với tổng số tiền 4.304.880.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Vũ Quang X: Vào ngày 12/9/2024, ông X truy cập vào quảng cáo của app sex trên Facebook, bị các nhân viên công ty của P2 dùng kịch bản của app sex dẫn dụ truy cập vào app bằng đường link <https://diveosslove.com> Sau đó, nhân viên sử dụng tài khoản Telegram tên “CVKH Hồng Y”, “Hệ thống thương gia” và các tài khoản Telegram tên “Cao Cuong T10”, “Quan 1” giả làm khách hàng thực hiện kịch bản giết khách để chiếm đoạt tiền. Ông X đã chuyển khoản liên tiếp 09 lần với tổng số tiền 1.023.640.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng N6, chủ tài khoản tên Võ Thành Đ thì bị chiếm đoạt.

2. Đặng Đức T11: Từ ngày 02/10/2023 đến ngày 27/10/2023, ông T11 bị Võ Quốc T6, Phạm Hoài N2, Võ Thùy T8 và đối tượng S dùng kịch bản của app

sex dẫn dụ truy cập vào đường link <https://diveosslove.com> Sau đó, T8 đóng giả gái bán dâm dẫn dụ ông T11 chuyển khoản 09 lần với tổng số tiền 1.608.915.000 đồng, cụ thể: Vào các ngày 02 và 03/10/2023, bị cáo T6 và N2 cùng sử dụng tài khoản Telegram tên “CVKH La Thị T12”, “Hệ thống thương gia” và các tài khoản Telegram tên “Thelam1990”, “Nguyễn Văn H6”, “Hồ Trọng L4” giả làm khách hàng nhắn tin dẫn dụ ông Thư từ giai đoạn bình chọn kích hoạt thẻ đến nhiệm vụ sửa sai thông tin liên kết ngân hàng, ông T11 chuyển khoản 04 lần với tổng số tiền 58.568.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng N6, chủ tài khoản tên Võ Thành Đ. Vào các ngày 19, 20, 23 và 27/10/2023, đối tượng S tiếp tục dẫn dụ ông T11 chuyển khoản 05 lần với tổng số tiền 1.550.348.000 đồng vào tài khoản H12 số 0819968547, chủ tài khoản tên Đồng Khánh L2 để làm các nhiệm vụ khôi phục mã OTP, giải treo, nâng cấp từ VIP1 lên VIP2, hoàn tất dữ liệu xuất khoản. Ông T11 được nhóm hậu đài chuyển trả lại 1.000.000 đồng, số tiền bị chiếm đoạt là 1.607.915.000 đồng.

3. Đinh Thị Kim L5: Vào ngày 28/12/2023, các đồng phạm của P2 đã dùng kịch bản app tình yêu dẫn dụ đầu tư vào sàn giao dịch chứng khoán, tiền ảo của công ty M5 có đường link truy cập là oexrk, bà L5 chuyển khoản 03 lần với tổng số tiền 450.000.000 đồng vào tài khoản H12 số 0819968547, chủ tài khoản tên Đồng Khánh L2. Bà L5 được bị cáo P1 (nhóm hậu đài) chuyển trả 1.000.000 đồng, số tiền bị chiếm đoạt là 449.000.000 đồng.

4. Nguyễn Thị Ngọc T13: Vào ngày 06/01/2024 và ngày 11/01/2024, các đồng phạm của bị cáo P2 dùng kịch bản của app tình yêu dẫn dụ đầu tư vào sàn giao dịch chứng khoán, tiền ảo của công ty M5 có đường link truy cập là oexrk, bà T13 chuyển khoản 02 lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản Eximbank số H12, chủ tài khoản tên Đồng Khánh L2 thì bị chiếm đoạt.

5. Hoàng Thị Hồng H7: Từ ngày 11/01/2024 đến ngày 15/01/2024, các đồng phạm của bị cáo P2 dẫn dụ đầu tư vào sàn giao dịch chứng khoán, tiền ảo của công ty M5 có đường link truy cập là oexrk, bà H7 chuyển khoản 10 lần với tổng số tiền 662.000.000 đồng vào tài khoản Eximbank số H12, chủ tài khoản tên Đồng Khánh L2 thì bị chiếm đoạt.

6. Lò Thị Khánh H8: Từ ngày 14 đến ngày 16/3/2024, các đối tượng nhóm A đã dùng kịch bản của app tình yêu để dẫn dụ đầu tư vào app casino Lisboa M3, bà H8 đã chuyển khoản 07 lần với tổng số tiền 88.000.000 đồng vào tài khoản H12 số 0819968547, chủ tài khoản tên Đồng Khánh L2. Bà H8 được nhóm hậu đài chuyển trả 12.675.000 đồng, số tiền bị chiếm đoạt là 75.325.000 đồng.

7. Hoàng Thị H9: từ ngày 23 đến ngày 25-3-2024, các đối tượng nhóm A đã dùng kịch bản của app tình yêu để dẫn dụ đầu tư vào app casino, bà H9 chuyển khoản 06 lần với tổng số tiền 513.000.000 đồng vào tài khoản H12 số 0819968547, chủ tài khoản tên Đồng Khánh L2. Bà H9 được nhóm hậu đài chuyển trả 33.000.000 đồng, số tiền bị chiếm đoạt là 480.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 2221/KL-KTHS ngày 20/11/2024 của Phòng K

Công an tỉnh T, đối với các dữ liệu liên quan đến hoạt động sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử chiếm đoạt tiền của các bị hại như sau:

- Dữ liệu hình ảnh, tin nhắn, tài liệu thể hiện phương thức, thủ đoạn sử dụng app sex và app tình yêu như bảng quy trình (kịch bản) của app tình yêu, bảng nhiệm vụ của app sex, hình ảnh thẻ thành viên câu lạc bộ L8, bảng nội quy của công ty; nội dung tin nhắn trong các nhóm Telegram: Nhận bill, xuất khoản, báo cáo, công việc, chấm công, báo khách, phạt tiền, tài liệu, tương tác Facebook... Các tin nhắn Telegram thể hiện quá trình sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử chiếm đoạt tiền của bị hại Đặng Đức T11 và nhiều dữ liệu điện tử có liên quan khác.

- Dữ liệu tin nhắn Zalo thể hiện vai trò, hành vi, động cơ và mục đích phạm tội của Đinh Văn P (Phòng K Công an tỉnh T đã trích xuất ra giấy và đóng dấu của cơ quan giám định), trong đó có tin nhắn thể hiện vai trò làm chủ công ty của P, thời gian câu kết với các đối tượng người Trung Quốc mở công ty, mua app (khoảng đầu năm 2022); số tiền bỏ ra thuê văn phòng, mua sắm thiết bị (30.000 USD/01 tháng); vị trí công ty (ở Campuchia, gần Cửa khẩu Quốc tế M), số nhân viên trong công ty (50 người); các tin nhắn P tuyển mộ nhân viên làm sale, chăm sóc khách hàng, chủ khoản (hậu đãi), quản lý, phiên dịch; P nhắn tin cho nhân viên trong công ty tuyển mộ thêm người (sang công ty làm mà gọi được người sang thì tiền giới thiệu là 300 USD/ 01 người), nhiều tin nhắn thể hiện động cơ, mục đích phạm tội, mong muốn thu lợi bất chính (xây dựng đế chế ở Campuchia, hợp tác với người Trung Quốc, làm ở Campuchia không sợ pháp luật, phải giàu thật nhanh, làm mấy năm kiếm 1, 2 trăm tỷ...).

- * Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã bị chiếm đoạt.

- * Về kê biên tài sản: Các bị cáo không có tài sản nên không kê biên.

- * Về phong tỏa tài khoản: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra các Lệnh phong tỏa số tiền 141.301.031 đồng trong tài khoản số 90901221999999 mở tại M6 của bị cáo Đinh Văn P; số tiền 45.480.398 đồng trong tài khoản số 0967208983 mở tại V3 của bị cáo Nguyễn Văn V1.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKS-P3 ngày 17/6//2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố: Các bị cáo Đinh Văn Phú, Nguyễn Văn Việt, Võ Quốc Thái, Nguyễn Ái V, Võ Văn T7, Từ Đăng T13, Phạm Hoài N2, Nguyễn Thị D2, Võ Thùy T8, Kim Thúy V2, Phạm Thị P1, Lương Văn T9, Phạm Văn H5, Nguyễn Hoàng T, Võ Như N3, Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Thanh L3, Trần Nguyễn Gia P2, Hoàng Tiến D1, Lê Thị Ngọc Q1, Huỳnh Thanh N4, Hồ Thanh Toàn E, Ngô Thanh B2, Lê Thị Trúc M1, Lê Hoàng N5 về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2025/HS-ST ngày 18/7/2025 của Tòa

án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Văn P, Phạm Thị P1, Nguyễn Hoàng T, Lê Thị Trúc M1 phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

[1.1] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn P 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2024.

[1.2] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị P1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2024.

[1.3] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2024.

[1.4] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 58; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 3 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên,

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Trúc M1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với 21 bị cáo khác; tuyên về trách nhiệm bồi thường, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Vào các ngày 28 và 29/7/2025, các bị cáo Đinh Văn P, Phạm Thị P1, Nguyễn Hoàng T và Lê Thị Trúc M1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; riêng bị cáo M1 còn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đinh Văn P, Phạm Thị P1, Nguyễn Hoàng T và Lê Thị Trúc M1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo P, T, P1 và M1 làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

- Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo P, T, P1 và M1:

Về tội danh: Bị cáo P là đối tượng cầm đầu, móc nối, câu kết với các đối tượng người Trung Quốc, hùn vốn với nhau thuê địa điểm tại Campuchia; chỉ đạo các bị cáo T, P1, M1 sử dụng mạng máy tính, điện thoại di động lên trang mạng xã hội lập các kịch bản giả mạo về app tình yêu và A1; dẫn dụ những bị hại truy cập vào các app này để chiếm đoạt tiền của họ. Từ tháng 7/2023 đến tháng 4/2024, P và đồng bọn đã chiếm đoạt của 07 người bị hại với số tiền là 4.304.880.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo P, Trung P3, M1 về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Về hình phạt: Mặc dù tại cấp phúc thẩm, các bị cáo P, P3, M1 có nộp thêm số tiền bồi thường, nhưng nhận thấy bản án sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vai trò, nhân thân của từng bị cáo và mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ của hành vi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo P, P3, T, M1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo P trình bày: Vợ bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường, bị cáo là lao động chính trong gia đình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo P3 trình bày: Chồng bị cáo đã nộp thêm 27.200.000 đồng để bồi thường; bị cáo có 02 con nhỏ, một cháu sinh năm 2014, một cháu sinh năm 2017; bác ruột bên chồng bị cáo là Trương Long D3, Trương Quang C5 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T trình bày: Bị cáo có ông nội tên Nguyễn Văn H10 là người có công với nước, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo M1 trình bày: Bị cáo đã bồi thường 85.000.000 đồng, chị ruột của bị cáo tên Lê Thị Ngọc Q1 cũng là bị cáo trong vụ án bị xử tù giam, bố của bị cáo bị tai biến, gia đình bị cáo có công với nước, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bà Trần Thị H3 (mẹ bị cáo Lê Thị Trúc M1) trình bày: Hoàn cảnh gia đình bà rất khó khăn, cả 02 con gái đều là bị cáo trong vụ án, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo M1 được hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Hồng NI bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn P và Nguyễn Hoàng T phát biểu:

- Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: Gia đình bị cáo P đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo T là đồng phạm giúp sức cho bị cáo P, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai

báo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo.

Các bị cáo Đinh Văn P và Nguyễn Hoàng T: Không tham gia tranh luận; thống nhất với ý kiến của Luật sư.

Luật sư Nguyễn Bá T1 bào chữa cho bị cáo Phạm Thị P1 phát biểu:

- Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: Bị cáo P1 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo P, đã bồi thường được 27.200.000 đồng cho người bị hại, bị cáo có 02 con còn nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Thị P1: Không tham gia tranh luận; thống nhất với ý kiến của Luật sư.

Luật sư Nguyễn Hữu L1 và Luật sư Huỳnh Anh T2 bào chữa cho bị cáo Lê Thị Trúc M1 phát biểu:

- Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: Khi vào làm việc cho bị cáo P thì bị cáo M1 mới chỉ 14 tuổi 22 ngày nên bị cáo M1 chưa ý thức được hành vi nguy hiểm của mình, bị cáo làm theo sự chỉ đạo của bị cáo P nên hành vi phạm tội của bị cáo không phải là có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp; bố bị cáo bị tai biến, chị gái đầu đã lấy chồng xa, chị gái còn lại tên Lê Thị Ngọc H11 là bị cáo chung trong vụ án; gia đình bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo M1 được hưởng án treo.

Bị cáo Lê Thị Trúc M1 và bà Trần Thị H3 là người đại diện hợp pháp của bị cáo M1: Không tham gia tranh luận; thống nhất với ý kiến của các Luật sư.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo P, P1, T, M1 ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; riêng bị cáo M1 xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Đinh Văn P, Phạm Thị P1, Nguyễn Hoàng T và Lê Thị Tuyết M4 làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo P, P1, T, M4, bà H3 (là người đại diện hợp pháp cho bị cáo M4) và các Luật sư bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo P, P1, T và M4, nhận thấy:

[3.1] Về tội danh và hình phạt:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo P, P1, T, M4 tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo khác, lời khai của người bị hại; đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để kết luận:

Bị cáo P đã móc nối, câu kết với các đối tượng người Trung Quốc, hùn vốn với nhau thuê địa điểm tại Campuchia; chỉ đạo các bị cáo T, P1, M4 và các bị cáo khác sử dụng mạng máy tính, điện thoại di động lên trang mạng xã hội lập các kịch bản giả mạo về app tình yêu và A1; dẫn dụ những bị hại truy cập vào các app này để chiếm đoạt tiền của họ. Từ tháng 7/2023 đến tháng 4/2024, P và đồng bọn đã chiếm đoạt của 07 người bị hại với số tiền là 4.304.880.000 đồng.

Các bị cáo P, P1, T, M4 là những người có đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được việc sử dụng mạng máy tính, viễn thông tạo các app giả, dẫn dụ để chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội, nhưng vì động cơ vụ lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Với các hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo P, T, P1, M4 về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”, với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên một cách chặt chẽ, cụ thể. Theo đó, bị cáo P là kẻ chủ mưu, cầm đầu, trực tiếp bàn bạc với các đối tượng người nước ngoài, cùng bỏ vốn xây dựng cơ sở, tuyển dụng nhân sự, quyết định việc thu chi... Do đó bị cáo P phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Bị cáo P1 tham gia nhóm “Hậu đài”; quản lý, kiểm tra số tiền do các bị hại chuyển vào 03 tài khoản của công ty, chuyển tiền chiếm đoạt được của các bị hại đến tài khoản ngân hàng do Tổng kho quản lý, được trả lương 6.300 USD, tương đương 140 triệu đồng nên bị cáo P1 là đồng phạm tham gia giúp sức tích cực.

Bị cáo T tham gia nhóm “Bắt khách”, chào mời, lôi kéo các bị hại là nam giới tham gia dịch vụ mại dâm, chuyển tài khoản của người bị hại cho nhóm “Giết khách”, được trả lương 600 USD, tương đương 12 triệu đồng. Lê Thị Trúc M1 tham gia app sex do bị cáo T6 làm trưởng nhóm, dẫn dụ 07 người bị hại chuyển tiền cho các đối tượng người Trung Quốc và bị cáo P, bị cáo được trả lương 4.050 USD, tương đương 90 triệu đồng. Do đó, các bị cáo T và M1 là đồng phạm giúp sức.

Mặt khác, các bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại, các bị cáo không có nghề nghiệp, chiếm đoạt tiền của người bị hại làm nguồn thu nhập chính.

Do đó, các bị cáo bị áp dụng các tình tiết tăng nặng “*Phạm tội có tổ chức*”, “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*”

theo quy định tại các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo P, T6 và Nguyễn Văn V1 còn xúi giục các bị cáo Lê Thị Ngọc Q1, Lê Thị Trúc M1 thực hiện hành vi phạm tội khi hai bị cáo này dưới 18 tuổi nên bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*”, theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm, các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; trừ bị cáo T, các bị cáo P, P1, M1 đã nộp một số tiền khắc phục hậu quả; gia đình một số bị cáo có công với nước nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên, nhận thấy mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi.

[3.2] Tuy nhiên nhận thấy, tại cấp phúc thẩm bị cáo P đã tác động gia đình nộp 1.916.080.000 đồng khắc phục toàn bộ theo Biên lai thu số 0002218 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bị cáo M1 nộp 85.000.000 đồng khắc phục toàn bộ hậu quả theo Biên lai thu số 0000897 ngày 15/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bị cáo P1 tiếp tục nộp thêm 27.200.000 đồng để khắc phục hậu quả theo Biên lai thu số 0001139 ngày 25/9/2025 và Biên lai thu số 0002219 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Đặc biệt bị cáo M1 có chị là Lê Thị Ngọc Q1 cũng là bị cáo chung trong vụ án. Do đó, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo P, P1 và M1.

[3.3] Đối với bị cáo T không có tình tiết mới và các bị cáo còn lại không có kháng cáo, tuy nhiên để cân đối mức hình phạt và thể hiện tính công bằng nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo này.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của các bị cáo P, P1, T và M1 là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo nhận định nêu trên.

[5] Các lập luận nêu trên cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo P, P1, T và M1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đinh Văn P, Phạm Thị P1, Nguyễn Hoàng T và Lê Thị Trúc M1.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2025/HS-ST ngày 18/7/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Văn P, Nguyễn Văn V1, Võ Quốc T6, Nguyễn Ái V (M), Võ Văn T7, Từ Đàng T13, Phạm Hoài N2, Nguyễn Thị D2, Võ Thùy T8, Kim Thúy V2, Phạm Thị P1, Lương Văn T9, Phạm Văn H5, Nguyễn Hoàng T, Võ Như N3, Nguyễn Thị Như Q, Nguyễn Thanh L3, Trần Nguyễn Gia P2, Hoàng Tiến D1, Lê Thị Ngọc Q1, Huỳnh Thanh N4, Hồ Thanh Toàn E, Ngô Thanh B2, Lê Thị Trúc M1, Lê Hoàng N5 phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

[2] Về hình phạt:

[2.1] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Văn P** 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2024.

[2.2] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b, g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn V1** 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/4/2024.

[2.3] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b, g, o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Võ Quốc T6** 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2024.

[2.4] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị D2** 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2024.

[2.5] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ái V** 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2025.

[2.6] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị P1** 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2024.

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn H5** 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2024.

- Xử phạt: Bị cáo **Võ Văn T7** 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2024.

[2.7] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Hoài N2** 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2024.

- Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Thanh N4** 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2024.

[2.8] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Như Q** 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2024.

[2.9] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Tiến D1** 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2024.

- Xử phạt: Bị cáo **Ngô Thanh B2** 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2024.

[2.10] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: Bị cáo **Lương Văn T9** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2024.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Nguyễn Gia P2** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2024.

[2.11] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên,

- Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Ngọc Q1** 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2024.

- Xử phạt: Bị cáo **Từ Đặng T13** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2024.

[2.12] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 3 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên,

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị Trúc M1** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2.13] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên,

- Xử phạt bị cáo **Kim Thúy V2** 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/4/2024.

- Xử phạt: Bị cáo **Hồ Thanh T14 Em** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh L3** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2024.

[2.14] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 179; khoản 3 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên,

Xử phạt: Bị cáo **Lê Hoàng N5** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2.15] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hoàng T** 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2024.

[2.16] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Võ Như N3** 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/8/2024.

[2.17] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s, r khoản 1 Điều 51; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thùy T8** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[3] Tạm giam các bị cáo Đinh Văn P, Phạm Thị P1, Nguyễn Hoàng T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền mà các bị cáo Đinh Văn P, Phạm Thị P1, Lê Thị Trúc M1 nộp trong giai đoạn phúc thẩm sẽ được trừ vào trách nhiệm bồi thường của các bị cáo này trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đinh Văn P, Phạm Thị P1, Nguyễn Hoàng T, Lê Thị Trúc M1 không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[7] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam số 01 - Tây Ninh;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, HCTP (NTCL) (62).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa